

QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ PHÁT TRIỂN NHANH, BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC

★ TS TRẦN THỊ NHẪN

Viện Lịch sử Đảng,

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

- **Tóm tắt:** Đại hội XIII của Đảng chủ trương khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, với mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI, Việt Nam trở thành nước phát triển, theo định hướng XHCN. Bài viết phân tích những quan điểm cơ bản và giải pháp thực hiện phát triển nhanh, bền vững đất nước trong giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045,
- **Từ khóa:** Đại hội XIII; phát triển nhanh, bền vững; phát triển đất nước.

1. Quan điểm của Đảng từ Đại hội VIII đến Đại hội XII về phát triển nhanh, bền vững

Mục tiêu nhất quán, xuyên suốt trong đường lối đổi mới đất nước là đưa Việt Nam thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, trở thành một nước công nghiệp hiện đại theo định hướng XHCN. Do xuất phát điểm rất thấp, nền tảng cơ bản thiếu và yếu, yêu cầu *phát triển nhanh, bền vững* là tất yếu khách quan trong tiến trình CNH, HĐH đất nước.

Chủ trương *phát triển bền vững* lần đầu tiên được nêu ra trong Văn kiện Đại hội VIII (năm 1996) là: “Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái”⁽¹⁾. Chủ trương *phát triển nhanh* gắn với *phát triển bền vững* được chính thức đề cập tại Đại hội IX năm 2001. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 xác định rõ: “Phát

triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường”⁽²⁾. Đại hội XI (năm 2011) khẳng định phát triển nhanh, bền vững là *quan điểm xuyên suốt* trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH; đồng thời làm rõ hơn mối quan hệ giữa *phát triển nhanh* và *phát triển bền vững*: “Phát triển bền vững là cơ sở để phát triển nhanh, phát triển nhanh để tạo nguồn lực cho phát triển bền vững. Phát triển nhanh và bền vững phải luôn gắn chặt với nhau trong quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Phải đặc biệt coi trọng giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ để bảo đảm cho đất nước phát triển nhanh và bền vững”⁽³⁾. Đại hội XII của Đảng (năm 2016) tiếp tục bổ sung những nội dung cơ bản

là: “Bảo đảm phát triển nhanh, bền vững trên cơ sở ổn định kinh tế vĩ mô và không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Phát triển hài hòa giữa chiều rộng và chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu; phát triển kinh tế tri thức, kinh tế xanh. Phát triển kinh tế phải gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Bảo đảm quốc phòng, an ninh và hòa bình, ổn định để xây dựng đất nước”⁽⁴⁾. Đặc biệt, Đại hội XII đã nhấn mạnh vai trò của yếu tố kinh tế trong ba trụ cột phát triển bền vững, coi *tăng trưởng kinh tế* là *điều kiện cần* để bảo đảm cho sự bền vững trong phát triển ở Việt Nam.

Như vậy, từ Đại hội VIII đến Đại hội XII, trong bối cảnh phát triển bền vững trở thành xu thế phát triển trên thế giới⁽⁵⁾, Đảng ta đã từng bước bổ sung quan điểm dựa trên nhận thức khoa học về phát triển bền vững, với 3 trụ cột là: bền vững về kinh tế, bền vững về xã hội, bền vững về sinh thái - tài nguyên và môi trường. Trên cơ sở đó, nội hàm về phát triển nhanh, bền vững ở Việt Nam được xác định gồm: tăng trưởng kinh tế bền vững; tăng trưởng kinh tế gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hóa, thúc đẩy tiến bộ xã hội; tăng trưởng kinh tế gắn với sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm quốc phòng, an ninh, tạo môi trường hòa bình, ổn định.

Quan điểm phát triển nhanh, bền vững đã được cụ thể hóa và triển khai vào thực tiễn công cuộc đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế, nhằm sớm đưa Việt Nam phát triển trở thành một nước công nghiệp hiện đại theo định hướng XHCN. Tuy vậy, bên cạnh những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử của quá trình đổi mới, đánh giá tổng thể, Đảng ta đã chỉ

rõ những yếu tố phát triển thiếu bền vững, “việc tạo nền tảng để đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại chưa đạt được mục tiêu đề ra”⁽⁶⁾. Tăng trưởng kinh tế thiếu ổn định, trong giai đoạn 2006-2010 bình quân đạt 7%⁽⁷⁾; giai đoạn 2011-2015 đạt 5,9%⁽⁸⁾; giai đoạn 2016-2020 đạt khoảng 6%⁽⁹⁾. Cơ cấu các ngành kinh tế theo tiêu chí nước công nghiệp hiện đại chưa đạt; trong đó, tỷ trọng khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản còn cao, năm 2020 chiếm 14,88%; công nghiệp và xây dựng 33,72%; dịch vụ 41,63%. Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TEP) có sự gia tăng nhất định nhưng vẫn còn thấp, giai đoạn 2011-2015 đạt khoảng 29%, 2016-2020 đạt 45,7%⁽¹⁰⁾. Năng lực cạnh tranh quốc gia chưa được cải thiện nhiều. Công nghiệp vẫn chủ yếu gia công, lắp ráp, giá trị gia tăng không cao; công nghiệp hỗ trợ phát triển chậm, tỷ lệ nội địa hóa thấp, hiệu quả tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu còn hạn chế; tốc độ tăng trưởng nông nghiệp chậm lại, chịu ảnh hưởng lớn của thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu. Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển chưa đồng bộ⁽¹¹⁾.

Tăng trưởng kinh tế chưa đủ mạnh để thúc đẩy tiến bộ xã hội, chưa tạo ra những bước đột phá trong cải thiện thu nhập và mức sống dân cư, dẫn đến tiềm ẩn nguy cơ rơi vào bẫy thu nhập trung bình. Thu nhập bình quân đầu người tăng: năm 2015 đạt 2.109USD/người, năm 2020 đạt khoảng trên 2.750 USD/người, nhưng vẫn còn thấp so với mục tiêu của một nước công nghiệp. Giảm nghèo chưa bền vững; chưa có giải pháp hữu hiệu để xử lý vấn đề phân hóa giàu - nghèo, gia tăng bất bình đẳng về thu nhập, kiểm soát và xử lý các mâu thuẫn, xung đột xã hội. Thụ hưởng của người dân từ thành tựu phát triển của đất nước chưa hài hòa.

Tăng trưởng kinh tế gắn với sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu còn nhiều bất cập, biểu hiện ở xu thế khan hiếm tài nguyên và sử dụng không hiệu quả tài nguyên; ô nhiễm môi trường gây ra bởi tăng trưởng ngày càng cao và kiểm soát vấn đề ô nhiễm yếu kém. Chậm chuyển đổi cơ cấu sử dụng năng lượng theo hướng tiết kiệm, tăng tỷ lệ năng lượng tái tạo, năng lượng mới. Các hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh học tiếp tục suy giảm. Tình trạng nhập khẩu công nghệ lạc hậu, máy móc, thiết bị, nguyên, nhiên, vật liệu không đạt chuẩn về môi trường chậm được khắc phục⁽¹²⁾.

Trong giai đoạn 2021 - 2030 và những năm tiếp theo, dự báo các yếu tố tác động đến việc thực hiện mục tiêu phát triển nhanh, bền vững ở Việt Nam là rất lớn, đó là tình hình thế giới có nhiều diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó

lượng; biến đổi khí hậu đang gây ra những hậu quả nghiêm trọng; đại dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến khó dự báo...

Những hạn chế của quá trình thực hiện đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế trong giai đoạn 1996-2020 cùng những dự báo về xu hướng toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và biến đổi khí hậu trong giai đoạn tiếp theo, đã đặt ra những yêu cầu mới, đó là cần tiếp tục có quan điểm đúng đắn và giải pháp phù hợp về phát triển nhanh, bền vững để lãnh đạo đất nước đạt mục tiêu đề ra.

2. Quan điểm cơ bản về phát triển nhanh, bền vững tại Đại hội XIII

Trên cơ sở yêu cầu khách quan của đất nước trong mối quan hệ tương tác giữa mục tiêu phát triển và bối cảnh mới của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, Đại hội XIII chủ trương: “đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, phát triển



Tăng trưởng kinh tế nhanh thúc đẩy tiêu thụ năng lượng xanh ở Việt Nam _ Ảnh: TTXVN

nhanh và bền vững đất nước”⁽¹³⁾; mục tiêu phấn đấu “đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”⁽¹⁴⁾.

Kế thừa các kỳ đại hội trước, quan điểm về phát triển nhanh, bền vững được Đại hội XIII đề ra là: (1) Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. (2) Lấy cải cách, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập và thực thi pháp luật hiệu lực, hiệu quả là điều kiện tiên quyết để thúc đẩy phát triển đất nước. (3) Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, ý chí tự cường và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển; lấy giá trị văn hóa, con người Việt Nam là nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững. (4) Xây dựng nền kinh tế tự chủ, trên cơ sở làm chủ công nghệ và chủ động, tích cực hội nhập, đa dạng hóa thị trường, nâng cao khả năng thích ứng của nền kinh tế. Phát huy nội lực là yếu tố quyết định gắn với ngoại lực và sức mạnh thời đại. (5) Chủ động, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại⁽¹⁵⁾.

Quan điểm phát triển nhanh, bền vững, Đại hội XIII tiếp tục chú trọng các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, tài nguyên - môi trường và quốc phòng - an ninh. Trong đó, điểm mới là:

Về phương pháp thực hiện: nhấn mạnh vai trò của ba yếu tố là *khoa học - công nghệ, đổi*

mới sáng tạo và chuyển đổi số; khẳng định phải đổi mới tư duy và hành động; chủ động nắm bắt kịp thời, tận dụng hiệu quả các cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 gắn với quá trình hội nhập quốc tế; phát triển kinh tế số, xã hội số.

Về động lực để phát triển nhanh, bền vững: nhấn mạnh việc khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, ý chí tự cường và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc; coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất của sự phát triển; lấy giá trị văn hóa, con người Việt Nam là nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững.

Để đạt được mục tiêu đề ra, Đại hội XIII của Đảng đã định hướng những giải pháp cơ bản theo quan điểm phát triển nhanh, bền vững:

Về tăng trưởng kinh tế: Tập trung hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, giải quyết tốt hơn quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội. Thực hiện chuyển đổi số quốc gia một cách toàn diện để phát triển kinh tế số, xây dựng xã hội số. Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số nhằm tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; là động lực chính của tăng trưởng kinh tế.

Đẩy mạnh CNH, HĐH, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, bảo đảm thực chất, hiệu quả; phát triển nền kinh tế số; thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững trên cơ sở ổn định kinh tế vĩ mô. Đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, đẩy nhanh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, quản trị theo chuẩn mực quốc tế, bảo đảm doanh nghiệp nhà nước là một lực lượng vật chất quan trọng của kinh tế nhà nước. Phát

triển mạnh khu vực kinh tế tư nhân của người Việt Nam cả về số lượng, chất lượng, thực sự trở thành một động lực quan trọng trong phát triển kinh tế; khuyến khích hình thành, phát triển những tập đoàn kinh tế tư nhân lớn, tiềm lực mạnh, có khả năng cạnh tranh khu vực, quốc tế. Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp; phát triển mạnh nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, đạt tiêu chuẩn phổ biến về an toàn thực phẩm. Xây dựng nền công nghiệp quốc gia vững mạnh; kết hợp hài hòa cả chiều rộng và chiều sâu, trong đó chú trọng phát triển theo chiều sâu, tạo bước đột phá trong nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp. Tập trung cơ cấu lại công nghiệp theo hướng nâng cao trình độ công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, khai thác triệt để cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và lợi thế thương mại. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng tăng các ngành công nghiệp có công nghệ, giá trị gia tăng cao và dịch chuyển lên các công đoạn có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị của từng ngành công nghiệp. Tập trung phát triển một số ngành công nghiệp nền tảng. Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghệ mới, công nghệ cao. Phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh theo hướng lưỡng dụng, thực sự trở thành một mũi nhọn của công nghiệp quốc gia. Phát triển kết cấu hạ tầng, kinh tế vùng, kinh tế biển, lấy các đô thị làm động lực phát triển vùng và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới.

Về tăng trưởng kinh tế gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hóa, thúc đẩy tiến bộ xã hội: Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, bảo đảm vừa phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc, vừa tiếp thu những tinh hoa văn hóa

nhân loại, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Đẩy nhanh xây dựng xã hội số.

Triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo đa chiều, bền vững, bao trùm, nhất là khu vực đồng bào dân tộc thiểu số. Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Nâng cao chất lượng dân số, sức khỏe người dân cả về thể chất, tinh thần, tâm vóc, tuổi thọ cũng như chất lượng cuộc sống. Cải cách tổng thể, hệ thống, đồng bộ chính sách tiền lương theo hướng tuân thủ nguyên tắc phân phối theo lao động và quy luật khách quan của kinh tế thị trường. Điều chỉnh quan hệ phân phối thu nhập. Xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ. Đổi mới phương pháp tiếp cận trong xây dựng và thực hiện pháp luật, chính sách lao động, việc làm bám sát với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và xu hướng của thời đại; gắn trực tiếp các mục tiêu, chỉ tiêu về lao động, việc làm với mục tiêu phát triển kinh tế. Tiếp tục cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người có công; bảo đảm chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân phù hợp với xu hướng tăng trưởng kinh tế, tiến bộ và công bằng xã hội. Hoàn thiện hệ thống luật pháp về bảo hiểm xã hội, tiến tới thực hiện bảo hiểm xã hội toàn dân. Tiếp tục thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, nhất là cho những người yếu thế, người nghèo. Thực hiện tốt mục tiêu đoàn kết tôn giáo, đại đoàn kết toàn dân tộc. Kiên trì thực hiện phương châm "lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu", "dân thụ hưởng" thành quả phát triển, tiến bộ xã hội.

Về tăng trưởng kinh tế gắn với sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai: Quản lý chặt chẽ và nâng cao hiệu

quả sử dụng các nguồn lực tài nguyên, nhất là đất, nước, khoáng sản, theo nguyên tắc thị trường. Đẩy nhanh hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách bảo đảm đồng bộ, minh bạch các yếu tố thị trường để có khả năng vốn hóa các nguồn lực tài nguyên, phân bổ hợp lý và sử dụng có hiệu quả. Bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập và ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước. Ngăn chặn suy thoái, tối ưu hóa các mục đích sử dụng đất nông nghiệp. Bảo vệ, phát triển, nâng cao chất lượng rừng và tăng độ che phủ rừng, nhất là duy trì độ che phủ rừng đầu nguồn; bảo vệ các khu bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học. Đối tượng được hưởng lợi từ tài nguyên, môi trường phải có nghĩa vụ đóng góp để đầu tư trở lại cho bảo vệ môi trường.

Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường. Thực hiện nghiêm và nâng cao chất lượng đánh giá tác động môi trường, môi trường chiến lược. Kiểm soát an toàn, xử lý dứt điểm ô nhiễm môi trường do hậu quả chiến tranh. Tăng cường giám sát, công khai đầy đủ, kịp thời thông tin và nâng cao chất lượng môi trường không khí, có biện pháp hạn chế ô nhiễm tiếng ồn, xử lý rác thải ở các đô thị, khu vực đông dân cư. Thực hiện nguyên tắc đối tượng gây ô nhiễm môi trường phải trả chi phí để xử lý, khắc phục hậu quả, cải tạo và phục hồi môi trường.

Chủ động giám sát, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu; phát triển kinh tế xanh, ít chất thải, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, các-bon thấp; khuyến khích phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn để sử dụng tổng hợp và hiệu quả đầu ra của quá trình sản xuất. Nâng cao tính chống chịu và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu của hệ thống kết cấu hạ tầng và của nền kinh tế, thực hiện các giải pháp thông

minh để thích ứng trong nông nghiệp, thủy sản và phát triển rừng.

Như vậy, Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định quan điểm phát triển nhanh, bền vững; gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường trong bối cảnh mới của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và biến đổi khí hậu, nhằm hoàn thành mục tiêu phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045 □

Ngày nhận bài: 7-6-2021; Ngày phản biện: 10-9-2021; Ngày duyệt đăng: 22-10-2021.

- (1) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.14.
- (2) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.162.
- (3), (7) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.99, 151.
- (4), (8) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.270, 246.
- (5) Trên cơ sở xuất hiện của trường phái Kinh tế học bền vững vào thập niên 90 của thế kỷ XX, quan điểm về phát triển bền vững mới được các quốc gia nhìn nhận và đặt trong mối quan hệ toàn cầu.
- (6), (9) (13), (14) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.103, 20, 33, 35-36.
- (10) Văn phòng Chính phủ, *Báo cáo công tác nhiệm kỳ 2016 - 2020 của Chính phủ*, số 99/BC-CP, ngày 23-3-2021.
- (11), (12), (15) Xem ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021, tr.80-81, 85-88, 214-217.